

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến - Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-KDTM, ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D1 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Du M - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, chi nhánh A. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số B H, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền số: 184/UQ-VCB-PC, ngày 06/4/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc Duy K - Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Giao dịch ML. Văn bản ủy ngày 27/7/2023. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Lê Quang V, sinh năm 1983.

2.2. Bà Hoàng Tố C, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang V: Bà Hoàng Tố C. Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2023. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tố tụng ông Nguyễn Quốc Duy K đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2021 Ngân hàng TMCP N chi nhánh A (sau đây gọi là VCB) và ông Lê Quang V, bà Hoàng Tố C ký hợp đồng cho vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML với số tiền vay 3.700.000.000 đồng; kỳ hạn vay 06 tháng; mục đích vay kinh doanh lúa gạo; lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của VCB An Giang trong từng thời kỳ trên giấy nhận nợ; Lãi suất áp dụng dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả bằng 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ông V, bà C đã nhận đủ 3.700.000.000 đồng do VCB giải ngân bằng hình thức chuyển khoản theo các giấy nhận nợ và chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi do ông V, bà C ký nhận.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng vay, bà C thế chấp quyền sử dụng đất cho VCB theo hợp đồng thế chấp số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 08/11/2021, đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Lai Vung cùng ngày 08/11/2021, gồm: Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 522464, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS05700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13/01/2020 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005700.CN.006); Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 522465, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS05701 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13/01/2020 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005701.CN.006); Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 946002, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS05397 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09/8/2019 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005397.CN.006).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông V, bà C không thực hiện trả vốn, lãi theo hợp đồng đã ký mặc dù VCB nhiều lần yêu cầu ông bà tắt toán nợ. Do ông V bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên VCB yêu cầu ông V bà C liên đới chịu trách nhiệm trả cho VCB nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 4.230.668.274 đồng. Trong đó nợ gốc 3.699.994.074 đồng, nợ lãi 530.674.200 đồng. Đồng thời yêu cầu ông V và bà C tiếp tục chịu các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo kể từ ngày 29/02/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021.

Trường hợp bà Hoàng Tố C và ông Lê Quang V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VCB yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021; phần I các điều khoản chung (đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021) để đảm bảo thi hành án.

** Quá trình tố tụng bà Hoàng Tố C là bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang V trình bày:*

Bà thừa nhận bà và ông Lê Quang V có ký hợp đồng cho vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021 và phần I các điều khoản chung (đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021) chỉ có bà ký hợp đồng, không có sự tham gia của ông Lê Quang V. Lý do ông V không ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021 là do giữa bà và ông V có văn bản thỏa thuận về việc quản lý, sử dụng định đoạt tài sản của vợ chồng, văn bản thỏa thuận được chứng nhận ngày 08/5/2019.

Bà thống nhất các khoản nợ gốc, lãi như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Do việc kinh doanh không hiệu quả nên bà xin VCB xóa cho vợ chồng bà khoản lãi quá hạn và lãi do chậm trả lãi. Bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

** Đại diện Viện kiểm sát Tp .Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:*

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tố tụng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTSD về việc xét xử vụ án.

** Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Luật đất đai 2013; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ.*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc buộc bà Hoàng Tố C và ông Lê Quang V thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021. Trường hợp bà Hoàng Tố C và ông Lê Quang V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021.

Đương sự chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

[1.2]. Tại tiểu mục 11.2 Điều 11 của hợp đồng cho vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi Ngân hàng TMCP N, chi nhánh A có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Trụ sở Ngân hàng TMCP N tọa lạc tại B H, phường M, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên việc vắng mặt của bị đơn không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng vay: Ngày 08/11/2021 ông V và bà C ký hợp đồng vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML với VCB để vay 3.700.000.000 đồng; kỳ hạn vay 06 tháng; mục đích vay kinh doanh lúa gạo; lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của VCB trong từng thời kỳ trên giấy nhận

nợ; Lãi suất dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất đối với lãi chậm trả bằng 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Ông V, bà C đã nhận 3.700.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ và chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi do ông V, bà C ký nhận.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay trên, bà C thế chấp quyền sử dụng đất cho VCB theo hợp đồng thế chấp số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021 diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05700 ngày 13/01/2020 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005700.CN.006); diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05701 ngày 13/01/2020 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005701.CN.006); diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05397 ngày 09/8/2019 (thay đổi thông tin ngày 11/6/2021 theo hồ sơ số 005397.CN.006).

Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp cùng ngày 08/11/2021.

[2.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông V, bà C không trả vốn, lãi theo hợp đồng đã ký mặc dù VCB nhiều lần yêu cầu ông bà tắt toán nợ. Do ông V bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên VCB yêu cầu ông V, bà C liên đới chịu trách nhiệm trả cho VCB nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 4.230.668.274 đồng. Trong đó: nợ gốc 3.699.994.074 đồng; nợ lãi 530.674.200 đồng (gồm lãi trong hạn 380.342.282 đồng; lãi quá hạn 140.371.850 đồng; lãi do chậm trả lãi là 9.960.068 đồng). Yêu cầu ông V và bà C tiếp tục chịu các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo kể từ ngày 29/02/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021. Đồng thời, VCB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thi hành án, nếu ông V, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thi hành án.

[2.4]. Quá trình tố tụng bà C thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc bà và ông V xác lập hợp đồng vay với VCB và thừa nhận tính đến ngày 28/02/2024 bà và ông V còn nợ VCB tiền gốc và các khoản lãi là 4.230.668.274 đồng. Bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thi hành án. Do kinh doanh không hiệu quả nên bà xin VCB xóa lãi quá hạn 140.371.850 đồng và lãi chậm trả là 9.960.068 đồng.

[2.5]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như trình bày trên không đồng ý xóa lãi quá hạn và lãi do chậm trả lãi theo yêu cầu của bà C.

Tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn và bị đơn xác định hiện nay tài sản thế chấp cho VCB đúng hiện trạng như khi các bên xác lập hợp đồng thế chấp, không thay đổi hoặc phát sinh gì khác có liên quan đến tài sản thế chấp.

[3] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, các đương sự thống nhất với nhau về quá trình xác lập hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản cũng như bị đơn thừa nhận nợ như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ đề nghị xóa lãi quá hạn và lãi do chậm trả lãi, do có khó khăn trong quá trình kinh doanh.

Xét thấy theo nội dung hợp đồng vay thể hiện, các bên có thỏa thuận các khoản phải thanh toán khi vi phạm nghĩa vụ, trong đó có lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi do chậm trả lãi. Xét các khoản nguyên đơn yêu cầu, bị đơn đều thừa nhận do chưa thanh toán theo hợp đồng và các giấy nhận nợ, chỉ yêu cầu xóa lãi quá hạn và lãi do chậm trả lãi. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn xin xóa lãi, nguyên đơn không thống nhất, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Đối với yêu cầu của VCB về xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thi hành án nếu ông V bà C không thanh toán nợ. Xét thấy, hợp đồng thế chấp số 204/2021/VCB-ML ngày 08/11/2021 được xác lập giữa VCB và bà C không có sự tham gia của ông V theo văn bản thỏa thuận về việc quản lý, sử dụng định đoạt tài sản của vợ chồng được công chứng ngày 08/5/2019; hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định về đăng ký thế chấp, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[4]. Về chi phí tố tụng: VCB đã tạm nộp 3.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 600.000 đồng, đã hoàn lại VCB 2.400.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của VCB được chấp nhận, nên ông V, bà C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả VCB 600.000 đồng chi phí tố tụng.

[5] Về án phí: Ông V và bà C liên đới chịu án phí theo quy định.

VCB được nhận lại 55.327.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C.

Buộc ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 4.230.668.274đ (Bốn tỷ, hai trăm ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông V, bà C vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021; phần I các điều khoản chung (đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 204/2021/VCB-ML, ngày 08/11/2021) để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thu hồi nợ thì ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C có nghĩa vụ liên đới hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Lê Quang V và bà Hoàng Tố C liên đới chịu 112.231.000đ (Một trăm mười hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được nhận lại 55.327.500đ (Năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002423, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

